

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH TRỊ  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 26-6-2020.

V/v không công nhận vợ chồng,  
tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Nghiệp.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thành Dân;
2. Bà Nguyễn Thị Việt Ngừ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lâm Huệ Chi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Ngô Trường G**, sinh năm 1978 (có mặt).

ĐKTT: Ấp Trương H, xã Thạnh T, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng

Địa chỉ: Số X, ấp Giồng N, xã Hiệp T, thành phố Bạc L, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* Ông **Huỳnh Văn S**, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Trương H, xã Thạnh T, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện ngày 27/4/2020 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Ngô Trường G trình bày:*

Năm 1996, bà và ông S chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có hai người con chung tên Huỳnh Hoàng K, sinh ngày 19/4/1997 (đã trưởng thành) và Huỳnh Ngọc Bảo N, sinh ngày 30/5/2007. Đến năm 2010, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do

ông S nhậu nhẹt, thường xuyên ghen tuông, chửi bới và có hành vi bạo lực gia đình, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên bà yêu cầu ly hôn, tại phiên tòa bà yêu cầu không công nhận quan hệ giữa bà và ông S là vợ chồng do không có đăng ký kết hôn. Về con chung, bà đồng ý giao cháu N cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, bà không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo biên bản lấy lời khai của Tòa án vào ngày 04/6/2020 đối với bị đơn ông Huỳnh Văn S và lời khai tại Tòa án ông S trình bày.

Ông và bà G sống chung như vợ chồng từ năm 1996, không có đăng ký kết hôn. Thống nhất vợ chồng có hai con chung tên Huỳnh Hoàng K, sinh ngày 19/4/1997 và Huỳnh Ngọc Bảo N, sinh ngày 30/5/2007. Thời gian chung sống đôi lúc vợ chồng cãi nhau, ông có đánh bà G, nhưng mâu thuẫn không trầm trọng nên không đồng ý ly hôn mà yêu cầu được hàn gắn đoàn tụ. Nếu trường hợp phải ly hôn ông yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là cháu N cho đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận giữa bà G và ông S là vợ chồng, giao con chung tên Huỳnh Ngọc Bảo N cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung, không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Ngô Trường G yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với bị đơn ông Huỳnh Văn S và yêu cầu nuôi con chung. Quan hệ tranh chấp được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 14, Điều 15 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị theo quy định tại khoản 1 và khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bà G thay đổi một phần nội dung khởi kiện, về con chung đồng ý giao cháu Huỳnh Ngọc Bảo N cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, yêu cầu thay đổi một phần nội dung khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo Giấy xác nhận số 41/2020/UBND-XNTTHN ngày 22/4/2020 của Ủy ban nhân dân xã Thạnh T, huyện Thạnh Trị

xác nhận bà Ngô Trường G chưa đăng ký kết hôn với ai. Qua lời trình bày của đương sự thể hiện, bà G và ông S tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1996 không đăng ký kết hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng”* và căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng”*. Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định trên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà G và ông S là vợ chồng. Tại phiên tòa bị đơn ông S xin hàn gắn nhưng bà G không đồng ý tiếp tục chung sống như vợ chồng, xét yêu cầu của ông S chưa đủ cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà G và ông S thống nhất trình bày quá trình chung sống có hai người con chung tên Huỳnh Hoàng K, sinh ngày 19/4/1997 (đã trưởng thành) và Huỳnh Ngọc Bảo N, sinh ngày 30/5/2007, hiện cháu N đang sống với ông S. Tại phiên tòa bà G đồng ý giao cháu N cho ông S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi và ông S đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Cả bà G và ông S đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Do đương sự đã tự thỏa thuận việc nuôi con chung cũng như không yêu cầu cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà G và ông S, giao cháu N cho ông S tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con do đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Bà G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

[4] Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Đương sự thống nhất không có và không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà G phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

[7] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì là có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 và khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Ngô Trường G với ông Huỳnh Văn S là vợ chồng.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Ngô Trường G và ông Huỳnh Văn S như sau: Ông Huỳnh Văn S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Ngọc Bảo N, sinh ngày 30/5/2007 đến khi con đủ 18 tuổi. Bà Ngô Trường G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà Ngô Trường G và ông Huỳnh Văn S thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Ngô Trường G và ông Huỳnh Văn S thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Ngô Trường G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003111 ngày 27/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, bà G đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- UBND xã Thạnh T;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Nghiệp**